TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **450**/2023/DS-ST
Ngày: 23-8-2023
V/v: tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Quang Cảnh

2. Ông Lê Ngọc Thanh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị An Thành, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú*** *tham gia phiên tòa*: Bà Phạm Thị Diệu Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự, thụ lý số 158/2023/TLST- DS ngày 12 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 607/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 732/2023/QĐST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng S

Địa chỉ trụ sở: A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức T, sinh năm 1984 (đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: H, Phường K, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị L – sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 02 năm 2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ngân hàng S có ông Trần Đức T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 20/08/2019, bà L có ký với Ngân hàng S (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà L, ngân hàng đã đồng ý

cấp thẻ tín dụng số thẻ 436438-5276 với hạn mức sử dụng là 200.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 204.749.900 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà L đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 72.258.000 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng, cụ thể: nợ gốc thanh toán: 29.487.407 đồng, lãi trong hạn: 31.563.782 đồng, phí trễ hạn + phí vượt hạn mức + phí: 11.206.811 đồng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà L vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng), ngày 06/03/2020 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng).

Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

Buộc bà L thanh toán cho ngân hàng số tiền còn thiếu của thẻ tín dụng (số thẻ 436438-5276), tính đến ngày 23/8/2023 là 488.031.825 đồng (trong đó dư nợ gốc: 175.262.493 đồng; lãi quá hạn: 312.769.332 đồng)

Kể từ ngày 24/8/2023, bà Phạm Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên.

Thời hạn và phương thức thanh toán: một lần, ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Phạm Thị L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng bà L đều vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có yêu cầu giải quyết vắng mặt theo qui định nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Đức T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn bà Phạm Thị L vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ đơn khởi kiện ngày 16 tháng 02 năm 2023 của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Phạm Thị L có nơi cư trú tại quận Tân Phú nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐT ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2].Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn do ông Trần Đức T đại diện theo ủy quyền, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Phạm Thị L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 171; Điều 177, Điều 179; Điều 196, Điều 208, Điều 220; Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bà L đều vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có yêu cầu giải quyết vắng mặt theo quy định. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3]. Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về hình thức và nội dung hợp đồng tín dụng:

Xét, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 20 tháng 8 năm 2019 giữa ngân hàng và bà Phạm Thị L; lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: việc ký kết hợp đồng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức hợp đồng và nội dung thỏa thuận phù hợp và không trái quy định pháp luật, có hiệu lực kể từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại các Điều 385; Điều 398; Điều 405; Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[3.2] Về thực hiện hợp đồng và nghĩa vụ thanh toán:

Hội đồng xét xử xét thấy: quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Điều 2 và Điều 23 bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 20 tháng 8 năm 2019 nên ngân hàng yêu cầu bà L thanh toán nợ gốc và lãi tính đến ngày 23/8/2023 là 488.031.825 đồng (trong đó: nợ gốc: 175.262.493 đồng; Lãi quá hạn: 312.769.332 đồng) là có căn cứ, phù hợp quy định tại các Điều 351; Điều 357;

Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Mặt khác, trong quá suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà L mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa trình bày ý kiến, cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh đã thanh toán nợ cho Ngân hàng. Việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà L thanh toán số nợ trên là có cơ sở, đúng pháp luật, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Do vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.3]. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy: yêu cầu của nguyên đơn về khoản tiền lãi chậm trả phát sinh kể từ ngày 24/8/2023 theo mức lãi suất do hai bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng là phù hợp nên chấp nhận.

[3.4]. Về thời hạn thanh toán: Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ trên nên nguyên đơn yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Phạm Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng S số tiền tính đến ngày 23/8/2023 là 488.031.825 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất do hai bên thỏa thuận tại hợp đồng kể từ ngày 24/8/2023 cho đến khi thanh toán xong số nợ. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Phạm Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 23.521.273 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí 10.822.632 đồng cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 179; Điều 227; Điều 228; các Điều 264, 266, 267, 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng:

- Điều 351; Điều 357; Điều 385; Điều 398; Điều 405; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐT ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áo dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ngân hàng S.

Bà Phạm Thị L có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng S số tiền còn thiếu của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng ngày 20 tháng 8 năm 2019, tính đến ngày 23/8/2023 là 488.031.825 đồng (trong đó: nợ gốc: 175.262.493 đồng; lãi quá hạn: 312.769.332 đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Phạm Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng ngày 20 tháng 8 năm 2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ trên.

Thời hạn và phương thức thanh toán: Một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị L phải nộp số tiền án phí là 23.521.273 đồng

Hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí 10.822.632 đồng cho ngân hàng S theo biên lai thu số 0013855 ngày 12/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Ngân hàng S, bà Phạm Thị L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hương Giang